

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường¹: số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 04/TTr-SNNMT ngày 04/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang, địa chỉ trụ sở chính tại đường Lê Lợi, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang” tại đường Lê Lợi, Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung

1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang.

1.2. Chủ cơ sở: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang.

1.3. Địa điểm hoạt động: Đường Lê Lợi, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

¹ nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường

1.4. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

- Quyết định số 51/UB ngày 20/01/1997 của UBND lâm thời tỉnh Bắc Giang về việc thành lập lại đơn vị sự nghiệp thuộc trực thuộc Sở Y tế;
- Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số: 0176/BG-GPHD do Sở Y tế tỉnh Bắc Giang cấp ngày 11/4/2023.

1.5. Mã số thuế: 2400229574.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của cơ sở: Cơ sở y tế, khám chữa bệnh.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi: Cơ sở được thực hiện tại đường Lê Lợi, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, với diện tích đất sử dụng là 37.377,5 m².
- Quy mô, công suất của cơ sở:

+ Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (*phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công*) và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường²; không có yếu tố nhạy cảm về môi trường³.

+ Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III⁴ theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Cơ sở thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Thẩm quyền cấp giấy phép môi trường của Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, được phân cấp UBND cấp tỉnh cấp giấy phép môi trường theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 5 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

+ Quy mô: Công suất 1.000 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang được cấp Giấy phép môi trường

² quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

³ quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

⁴ quy định tại STT 2 Mục II Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

1. Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Nông Nghiệp và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 403/QĐ-BTNMT ngày 22/02/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khối nhà trung tâm, khối nhà chuyên khoa đặc thù, khoa truyền nhiễm và các hạng mục phụ trợ của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang” tại đường Lê Lợi, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang do Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang làm chủ dự án và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành (trừ các nội dung tại mục C Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép này).

Điều 4. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thành phố Bắc Giang, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang” tại đường Lê Lợi, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố Bắc Giang của Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 73/QĐ-STNMT ngày 17/01/2025 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường (*nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường*): Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường cơ sở “Bệnh viện Đa khoa tỉnh

Bắc Giang” và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung nêu trên đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Y tế, Chi cục Thuế khu vực VI; UBND thành phố Bắc Giang; UBND phường Hoàng Văn Thụ; Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Phòng BVMT thuộc Sở NN&MT (lưu h/s);
- Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH, KTN; Cổng thông tin điện tử tỉnh; Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, MT. Toàn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Thịnh

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /3/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, với lý do:

Toàn bộ nước thải phát sinh tại cơ sở được thu gom về Trạm xử lý nước thải (XLNT) tập trung công suất 600 m³/ngày đêm để xử lý đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (QCVN 28:2010/BTNMT, cột B), sau đó đầu nối với hệ thống thu gom nước thải đưa về Trạm xử lý nước thải tập trung của thành phố Bắc Giang do Trung tâm bơm tiêu và thoát nước đô thị thành phố Bắc Giang quản lý, vận hành (công suất trạm xử lý theo thiết kế là 20.000 m³/ngày đêm tại xã Tân Tiến, thành phố Bắc Giang) để tiếp tục xử lý, trước khi thoát ra sông Thương. Cơ sở không xả nước thải trực tiếp ra môi trường; tọa độ điểm đầu nối nước thải: X= 2353501; Y= 416699 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 107⁰, múi chiếu 3⁰).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải từ nhà bếp: được thu gom vào hố ga thu nước thải (có lắp đặt song chắn rác) về bể tách mỡ để xử lý sơ bộ, sau đó thu gom bằng đường ống D300 về Trạm XLNT tập trung của cơ sở.

- Nước thải xí tiêu: được thu gom bằng các đường ống D110-D180 về các bể tự hoại để xử lý sơ bộ (39 bể tự hoại có tổng thể tích 618m³ tại các tòa nhà), sau đó thu gom bằng đường ống D200, D300 về Trạm XLNT tập trung của cơ sở.

- Nước thoát sàn: được thu gom bằng các đường ống D75-D140 bố trí trong các tòa nhà, sau đó thu gom bằng các đường ống D200, D300 về Trạm XLNT tập trung của cơ sở.

- Nước thải giặt đồ vải: được thu gom bằng cống hộp BXH 300x400 bố trí xung quanh tòa nhà, chiều dài L=90m, sau đó thu gom bằng đường ống D200, D300 về Trạm XLNT tập trung của cơ sở.

- Nước thải y tế phát sinh từ các khoa phòng khám chữa bệnh: được thu gom trực tiếp bằng các lavabo thoát vào đường ống PVC D90-D110 bố trí trong các tòa nhà, sau đó thu gom bằng các đường ống D200, D300 về Trạm XLNT tập trung của cơ sở.

- Nước thải làm sạch dụng cụ: được thu gom bằng ống PVC D110 về Trạm XLNT tập trung của cơ sở.

Hệ thống đường ống thu gom nước thải ngoài nhà trong khuôn viên của cơ sở bằng đường ống D200, D300 có tổng chiều dài là 992,64 m, thu gom toàn bộ nước thải phát sinh về Trạm XLNT tập trung công suất 600 m³/ngày đêm để xử lý đảm bảo đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ Trạm XLNT tập trung công suất 600 m³/ngày đêm: Nước thải sinh hoạt (sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại), nước thải nhà bếp (sau bể tách mỡ), nước thoát sàn, nước giặt đồ vải, nước thải y tế → Bể tách rác thô → Bể tách rác tinh → Bể điều hòa → Thiết bị điều chỉnh lưu lượng → Bể thiếu khí (gel) → Bể hiếu khí 1 (gel) → Bể hiếu khí 2 (gel) → Bể lắng lamella → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B → Hệ thống thoát nước thải của thành phố Bắc Giang.

- Công suất thiết kế: 600 m³/ngày đêm.

- Công nghệ xử lý: Công nghệ sinh học AAO.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Cloramin B dạng bột, khối lượng sử dụng 3,5 kg/ngày (tương ứng với 7 giờ bơm nước); Methanol (từ 17,5 lít đến 25,5 lít/ 1 ngày), PAC 3% (từ 10,5 kg đến 13,5 kg/ 1 ngày): chỉ sử dụng khi có sự cố về nước thải.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

Việc quan trắc nước thải định kỳ: Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

1.4.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố hệ thống thu gom, xử lý nước thải:

- Kiểm tra định kỳ về mức độ hư hỏng, xuống cấp và tiến hành bảo dưỡng hệ thống đường ống thu gom nước thải.

- Có tài liệu hướng dẫn về quy trình vận hành của toàn bộ Trạm XLNT tập trung và từng công trình bể xử lý, trong đó chỉ rõ các số liệu về mặt kỹ thuật, lưu lượng thực tế và lưu lượng thiết kế của các công trình.

- Đảm bảo quy trình vận hành Trạm XLNT tập trung theo đúng kỹ thuật; tuân thủ định mức hóa chất (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành). Thường xuyên kiểm tra để phát hiện và xử lý kịp thời sự cố rò rỉ, vỡ bể xử lý, ...

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị của Trạm XLNT tập trung; bố trí máy phát điện dự phòng đảm bảo duy trì nguồn điện cho trạm xử lý và dự phòng thiết bị thay thế khi xảy ra sự cố để không ảnh hưởng đến hoạt động của trạm xử lý.

- Định kỳ 03 tháng/lần, lấy mẫu quan trắc nước thải trước và sau Trạm XLNT tập trung để giám sát chất lượng nước đầu ra đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B.

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố hệ thống thu gom, xử lý nước thải:

- Khi sự cố xảy ra đối với Trạm XLNT, cán bộ vận hành cho dừng xử lý, đồng thời thông báo cho quản lý và tìm nguyên nhân sự cố để khắc phục, sửa chữa. Khi gặp sự cố, thiết bị điều chỉnh lưu lượng bị ngắt sẽ không bơm nước thải từ bể điều hòa lên các bể xử lý, bể điều hòa được sử dụng như một bể chứa nước thải tạm thời trong thời gian khắc phục sự cố.

- Một số sự cố phổ biến với thiết bị như:

+ Sự cố đối với máy thổi khí: Trường hợp máy thổi khí không khởi động được, chạy nhưng dừng lại ngay: do mất điện hoặc cháy động cơ hoặc ổ trục động cơ bị hỏng cần kiểm tra nguồn điện, dây dẫn và sửa chữa, thay thế thiết bị. Trường hợp khởi động được nhưng nước lên yếu: do ngược pha, cánh kẹt rác, ...; Tùy mức độ sự cố, nếu không thể tự khắc phục thì tắt máy và liên hệ với đơn vị bảo trì hệ thống để xử lý kịp thời.

- Sự cố đối với máy bơm: Trường hợp máy bơm không khởi động được, chạy nhưng dừng lại ngay cần kiểm tra nguồn điện, dây dẫn hoặc do cháy động cơ hoặc có vật lạ làm tắc bơm. Trường hợp bơm chạy nhưng lưu lượng nước không đạt hoặc không lên nước có thể do đường ống bị rò rỉ, tắc đường hút hoặc mòn cánh bơm. Trường hợp bơm bị rung, tiếng ồn cao cũng cần dừng bơm kiểm tra và tìm nguyên nhân để khắc phục.

- Trường hợp thời gian khắc phục sự cố kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của Trạm XLNT, chủ cơ sở sẽ có giải pháp thuê đơn vị có chức năng đến hút, vận chuyển nước thải đem đi xử lý theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Trạm XLNT tập trung công suất 600 m³/ngày đêm của cơ sở đã xây dựng và hoàn thành đi vào hoạt động từ năm 2018 đến nay. Cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Giang (*nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường*) cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước tại Văn bản số 67/GP-TNMT ngày 22/01/2019 (giấy phép môi trường thành phần). Do vậy, theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP thì cơ sở không phải vận hành thử nghiệm đối với Trạm XLNT này.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi thoát vào hệ thống thoát nước thải hiện trạng của thành phố Bắc Giang, không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng và đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, chủ cơ sở phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường để kiểm tra, xem xét, giải quyết theo quy định.

- Việc vận hành Trạm XLNT phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với Trạm XLNT, chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND thành phố Bắc Giang để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /3/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 03 nguồn

- Nguồn số 01: từ máy thổi khí của Trạm XLNT tập trung.
- Nguồn số 02: từ máy phát điện dự phòng số 1.
- Nguồn số 03: từ máy phát điện dự phòng số 2.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 03 vị trí (tọa độ theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiếu 3⁰)

- Vị trí 01: từ máy thổi khí của Trạm XLNT tập trung. Tọa độ: X = 2353600; Y = 416639

- Vị trí 02: từ máy phát điện dự phòng số 1. Tọa độ: X = 2353638; Y = 416595.

- Vị trí 03: từ máy phát điện dự phòng số 2. Tọa độ: X = 2353533; Y = 416639.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	55	45	Khu vực đặc biệt
2	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	60	55	Khu vực đặc biệt
2	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Máy phát điện của Trạm XLNT được bố trí tại khu vực riêng biệt với khu vực văn phòng, khu vực khám và điều trị bệnh.

- Đảm bảo diện tích cây xanh dọc hành lang ngoài và trong các khu khám bệnh để tạo cảnh quan khu vực, điều hòa khí hậu, chống ồn, chống bụi.

- Tiếng ồn từ các phương tiện giao thông ra vào bệnh viện được kiểm soát bằng các biện pháp bố trí bãi đậu xe riêng biệt đối với cán bộ, nhân viên làm việc tại bệnh viện, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân; tuân thủ đúng nội quy ra vào bệnh viện, thực hiện giảm tốc độ.

- Thường xuyên kiểm tra độ cân bằng của máy, thiết bị; độ mòn chi tiết và định kỳ bảo dưỡng, thay thế những thiết bị hư hỏng.

- Trang bị bảo hộ lao động và các thiết bị cần thiết cho cán bộ y tế và cán bộ kỹ thuật tại các vị trí cần thiết, bố trí thời gian làm việc hợp lý.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /3/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên khoảng 111.085 kg/năm, trong đó:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
I	Chất thải lây nhiễm		
1	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn	130101	820
2	Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn	130101	77.791
3	Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao	130101	289
4	Chất thải giải phẫu	130101	850
II	Chất thải nguy hại không lây nhiễm		
1	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại vượt ngưỡng	130102	2
2	Dược phẩm loại bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	130103	10
3	Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, các dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	180104	4
4	Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải có chứa thủy ngân, các kim loại nặng	130302	2
5	Bao bì mềm, giẻ lau thải (từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nhiễm dầu mỡ; chứa các hóa chất độc hại) thải	180101	35
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	160106	7
7	Các loại dầu mỡ thải	160108	9
8	Pin, ắc quy thải	160112	16
9	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	120605	31.250
	Tổng cộng		111.085

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải y tế thông thường

- Chất thải y tế thông thường phục vụ tái chế phát sinh khoảng 76.349 kg/năm. Thành phần chủ yếu gồm bơm tiêm (không bao gồm đầu sắc nhọn), dây chuyền nhựa (không dính máu, dịch của cơ thể hoặc vi sinh vật gây bệnh), vỏ dịch chuyền, các vật liệu nhựa, bìa giấy, ...

- Chất thải y tế thông thường không phục vụ tái chế phát sinh khoảng 33.498 kg/tháng. Thành phần chủ yếu gồm vỏ chai, lọ đựng thuốc (không thuộc nhóm gây độc hoặc không có cảnh báo nguy hại), chất thải là vỏ bơm tiêm, túi nilon, các loại bột bó thạch cao thải bỏ,....

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1.170 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm thức ăn thừa, vỏ trái cây, lá cây, vỏ (túi/hộp) sữa giấy, túi nilong, gỗ, thủy tinh, vỏ lon, ...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải lây nhiễm

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Cách thức phân loại:

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: được thu gom chứa trong các thùng chứa hoặc hộp kháng thủng màu vàng.

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: được thu gom chứa trong các thùng có lót túi màu vàng.

+ Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao: được chứa trong các thùng màu vàng, lót túi nilon cùng màu.

+ Đối với các mẫu bệnh phẩm, các bộ phận thải bỏ: được thu gom chứa trong 2 lớp túi màu vàng, buộc kín miệng từng lớp túi rồi chứa trong thùng chứa màu vàng.

+ Chất thải không lây nhiễm: được thu gom chứa trong các thùng chứa màu đen, lót túi nilon cùng màu.

- Số lượng, quy cách thùng chứa:

+ Bố trí khoảng 535 thùng chứa màu vàng các loại (gồm: 185 thùng, hộp kháng thủng loại 15 lít, 260 thùng loại 20 lít, 90 thùng loại 120 lít) đặt tại các khoa phòng và 14 thùng chứa màu vàng loại 240 lít/thùng đặt trong kho chứa CTNH lây nhiễm.

+ Bố trí khoảng 23 thùng chứa màu đen (gồm: 10 thùng loại 15 lít, 13 thùng 20 lít) đặt tại các khoa phòng và 06 thùng chứa màu đen loại 240 lít/thùng đặt trong kho chứa CTNH không lây nhiễm.

Các thùng chứa được lót bên trong bằng túi nilon cùng màu (trừ thùng chứa chất thải lây nhiễm sắc nhọn) có nắp đậy, bên ngoài dán mác CTNH tương ứng.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Bố trí kho lưu giữ CTNH có diện tích 40 m², chia thành 03 kho nhỏ, trong đó: 02 kho chứa CTNH lây nhiễm, 01 kho chứa CTNH không lây nhiễm.

- Thiết kế, cấu tạo kho chứa: Tường gạch, mái tôn, nền bê tông chống thấm, có rãnh và hố thu gom chất thải lỏng, bên ngoài có biển cảnh báo CTNH và có bố trí bình cứu hỏa.

- Thực hiện thu gom CTNH phát sinh từ các khoa phòng về kho lưu giữ CTNH, với tần suất 02 lần/ngày. Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định, với tần suất không quá 02 ngày (không quá 48 giờ)/lần.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn thông thường phục vụ tái chế: được thu gom chứa trong các thùng màu trắng, lót túi nilon cùng màu. Bố trí khoảng 449 thùng chứa các loại (gồm: 205 thùng loại 15 lít, 195 thùng loại 20 lít, 49 thùng loại 120 lít) đặt tại các khoa phòng) và khoảng 15 thùng chứa loại 240 lít/thùng đặt trong kho chứa chất thải rắn thông thường.

- Chất thải rắn thông thường không phục vụ tái chế: được thu gom chứa trong các thùng màu xanh, lót túi nilon cùng màu. Bố trí khoảng 90 thùng chứa loại 120 lít đặt tại các phòng chức năng và khoảng 10 thùng chứa loại 240 lít đặt tại kho chứa chất thải rắn thông thường.

2.2.2. Khu vực lưu chứa chất thải:

- Bố trí kho chứa chất thải rắn thông thường có diện tích 84m², được chia làm 2 khu, trong đó: 01 khu chứa chất thải phục vụ tái chế, 01 khu chứa chất thải không phục vụ tái chế.

- Thiết kế, cấu tạo kho chứa: Tường gạch, mái tôn, nền bê tông chống thấm, cửa tôn, bên ngoài có biển tên.

Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định. Đối với chất thải không phục vụ tái chế: Tần suất 02 ngày/lần hoặc khi kho chứa đầy. Đối với chất thải rắn thông thường không phục vụ tái chế: Tần suất 01 tháng/lần hoặc khi kho chứa đầy.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom chứa trong các thùng màu xanh, lót túi nilon cùng màu.

- Bố trí khoảng 612 thùng chứa các loại (gồm: 302 thùng loại 15 lít, 280 thùng loại 30 lít, 30 thùng loại 120 lít) đặt tại các phòng khám, buồng bệnh, khuôn viên, hành lang, ... và khoảng 20 thùng chứa loại 240 lít/thùng đặt trong kho chứa chất thải sinh hoạt để lưu chứa tạm thời trước khi vận chuyển đi xử lý.

2.3.2. Khu vực lưu chứa chất thải:

- Bố trí kho lưu chứa chất thải sinh hoạt có diện tích 120m².

- Thiết kế, cấu tạo kho chứa: Tường gạch, mái tôn, nền bê tông chống thấm, cửa tôn, bên ngoài cửa có biển tên.

Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định, với tần suất 02 lần/ngày.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng Trạm XLNT và có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với công trình này. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động, có các biện pháp khắc phục sự cố kịp thời.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND
ngày /3/2025 của UBND tỉnh Bắc Giang)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Các nội dung tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 403/QĐ-UBND ngày 22/2/2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Khối nhà trung tâm, khối nhà chuyên khoa đặc thù, khoa truyền nhiễm và các hạng mục phụ trợ của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang”, cụ thể như sau: Phá dỡ một số hạng mục: nhà P (Nhà can thiệp mạch), nhà H (Nhà khám bệnh cũ) và toà nhà 2 tầng (nằm tiếp giáp đường Lê Lợi, gần cổng phụ số 3) để làm khuôn viên cây xanh, bãi đỗ xe và đường nội bộ.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường; tuân thủ các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực của cơ sở.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở; định kỳ kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành trạm XLNT tập trung công suất 600 m³/ngày đêm của cơ sở để thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đạt QCVN 28:2010/BTNMT cột B, trước khi đầu nối ra hệ thống thu gom nước thải của khu vực, không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải y tế thông thường, chất thải y tế nguy hại phát sinh theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường); Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép này, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 04/TTr-SNNMT ngày 04/3/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở./.